

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày 09 - 01 - 2025

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

2/ Ông Cao Văn Vạn.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 18 tháng 12 năm 2024 và ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 500/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *NgU đơn:* Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp H, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Hồng D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp H, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

(Anh H, chị D có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ngU đơn anh Nguyễn Minh H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Lê Thị Hồng D xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở quen biết và có sự tìm hiểu nhau. Anh và chị D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang vào ngày 06/5/2009. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ

chồng tính tình không hợp nhau. Anh và chị D đã ly thân từ tháng 9/2019. Nay, anh yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Hồng D.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Lê T, sinh ngày 13/4/2011, Nguyễn Lê Xuân U, sinh ngày 07/9/2013. Hiện 02 cháu đang sống với chị D. Anh tự nguyện giao 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng/cháu.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị Hồng D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị thống nhất với trình bày của anh H về quá trình xác lập hôn nhân. Về nguyên nhân mâu thuẫn là không đúng. Vào ngày 20/8/2024, chị phát hiện anh Nguyễn Minh H có những thay đổi trong tình cảm vợ chồng và từ đó đến nay anh H không có về nhà. Chị đã nhiều lần gọi điện thoại động viên anh H, vợ chồng có vướng mắc gì thì cùng nhau ngồi lại để giải quyết, để xây dựng gia đình hạnh phúc để nuôi dạy con cái. Nay, anh H xin ly hôn với chị, chị không đồng ý.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Lê T, sinh ngày 13/4/2011, Nguyễn Lê Xuân U, sinh ngày 07/9/2013. Hiện 02 cháu đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Chị không đồng ý ly hôn nên chị không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh H và chị Lê Thị Hồng D cưới nhau và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Anh H, chị D sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H, chị D bất đồng quan điểm trong cuộc sống và tính tình không hợp nhau. Anh H và chị D đã ly thân từ tháng 9/2024 đến nay. Anh H xin ly hôn với chị D nhưng chị D không đồng ý. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh H, chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị D là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị D.

[2] Về con chung: Anh H và chị D cùng thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Lê T, sinh ngày 13/4/2011, Nguyễn Lê Xuân U, sinh ngày 07/9/2013. Hiện cháu T, cháu U đang sống cùng với chị D và cháu T, cháu U có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị D. Đồng thời, anh H cũng đồng ý giao cháu T, cháu U cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T, cháu U cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng. Xét, đây là sự tự nguyện của anh H nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T, cháu U mỗi tháng 2.500.000 đồng/cháu cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị D thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Anh Nguyễn Minh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh H .

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh H được ly hôn với chị Lê Thị Hồng D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Lê T, sinh ngày 13/4/2011, Nguyễn Lê Xuân U, sinh ngày 07/9/2013 cho chị Lê Thị Hồng D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Minh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực đến khi 02 con đủ 18 tuổi, lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Nguyễn Minh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Nếu anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí: Anh Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016958 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh H còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Ngũ Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trần Kim Loan